

Số: 221/BC-LHH

Bắc Giang, ngày 22 tháng 9 năm 2015

BÁO CÁO

Kết quả tư vấn, phản biện nội dung “Điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”

Căn cứ Quyết định số 75/2011/QĐ-UBND ngày 09/3/2011 của UBND tỉnh quy định hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh; Công văn số 42/UBND-VX2 ngày 08/01/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về giao nhiệm vụ tư vấn, phản biện và giám định xã hội năm 2015; ngày 16/9/2015 Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh tổ chức họp Hội đồng tư vấn, phản biện nội dung “Điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Quy hoạch). Liên hiệp hội báo cáo kết quả tư vấn, phản biện và nhận xét, kiến nghị như sau:

I. NHẬN XÉT CHUNG

- Nội dung “Điều chỉnh Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” đã được chuẩn bị công phu, chi tiết; các nội dung đề xuất điều chỉnh, bổ sung cơ bản đã bám sát vào Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến 2035; Quy hoạch phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Quy hoạch đã tuân thủ đúng các trình tự, hướng dẫn lập thẩm định theo Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự lập thẩm định quy hoạch lĩnh vực công nghiệp; đề cương đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành theo đúng quy định.

- Tuy nhiên, bản Quy hoạch định hướng phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đưa ra vẫn là phát triển theo chiều rộng, chưa đúng với chủ trương tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh.

- Một số số liệu chưa chính xác, cần xem xét như: mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2030; vốn đầu tư nhà nước năm 2015 (biểu 5); xem xét lại số lượng khu công nghiệp hiện có và quy hoạch; số lượng cơ sở ngành công nghiệp dệt may, da giày năm 2015; sản lượng CO2 lỏng; sản lượng xi măng.... Cần rà soát số liệu của bản Quy hoạch cho đúng thực tế.

II. NHẬN XÉT CỤ THỂ

1. Về căn cứ pháp lý xây dựng Quy hoạch

- Cần bổ sung và căn cứ vào các quy hoạch về từng lĩnh vực của công nghiệp đã được thủ tướng Chính phủ hoặc bộ ngành phê duyệt như điện lực, khu công nghiệp, công nghiệp hỗ trợ..... để xây dựng Quy hoạch.

2. Về nội dung

2.1. Phần đánh giá hiện trạng

- Cần đánh giá đúng thực trạng của công nghiệp Bắc Giang hiện nay đầu tư chủ yếu theo chiều rộng ngày càng tăng, nền sản xuất gia công ngày càng lớn; thể hiện tỷ lệ VA/GO (giá trị gia tăng/giá trị sản xuất) năm 2015 chỉ đạt 27,2% (năm 2010 đạt 37,6%); nhưng nhận định kết quả đạt được ở trang 39 lại đánh giá là đã giảm dần các dự án gia công, sử dụng nhiều lao động là chưa đúng với thực tế.

- Nguồn nhân lực là một nhiệm vụ quan trọng trong việc thu hút đầu tư và có ý nghĩa quyết định thành công của quy hoạch phát triển công nghiệp, dự thảo Quy hoạch cần đánh giá rõ hiện trạng nguồn nhân lực, cũng như nhu cầu trong giai đoạn tới, để có giải pháp phát triển nguồn nhân lực phục vụ công nghiệp của tỉnh thời gian tới.

2.2. Phần dự báo các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển công nghiệp

- Dự thảo Quy hoạch mới đề cập đến những thuận lợi. Cần bổ sung những khó khăn vô cùng lớn đối với các sản phẩm công nghiệp Bắc Giang phải đối mặt khi hội nhập quốc tế như hàng rào thuế quan được dỡ bỏ; sự cạnh tranh với hàng hóa chất lượng cao, giá cả hợp lý của các nước có trình độ phát triển cao; từ đó có những đề xuất, định hướng phát triển công nghiệp Bắc Giang cho phù hợp.

2.3. Phần nội dung Quy hoạch

- Những nội dung điều chỉnh, những nội dung bổ sung so với quy hoạch cũ cần phân tích rõ cơ sở khoa học để điều chỉnh, bổ sung, bảo đảm tính khả thi và thuyết phục. Nội dung quy hoạch mới, bổ sung cần bám sát vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được phê duyệt. Đề nghị bổ sung bảng tổng hợp các mục tiêu, chỉ tiêu theo quy hoạch cũ và các mục tiêu chỉ tiêu theo quy hoạch mới, để dễ so sánh, đối chiếu.

- Quan điểm, mục tiêu phát triển của tổng thể ngành công nghiệp, cũng như từng lĩnh vực, sản phẩm công nghiệp phải cụ thể. Có cơ chế khuyến khích, kêu gọi các dự án sản xuất linh kiện phụ trợ. Đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao hàm lượng khoa học công nghệ trong mỗi sản phẩm công nghiệp, đạt được các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Giá cả hàng hóa phải có sự cạnh tranh với các nước; mục tiêu đặt ra như vậy, mới bảo đảm phát triển được công nghiệp của tỉnh.

- Cần xem xét lại phương án 1 là phương án chọn, một số chuyên gia đồng tình với phương án này, tuy nhiên cần xem xét tính toán lại tỷ lệ VA/GO. Theo dự thảo Quy hoạch thì tỷ lệ VA/GO giảm dần (năm 2015 đạt 27,2%; năm 2020 đạt 26,8% và năm 2030 đạt 25%) cho thấy định hướng Quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh vẫn theo hướng tăng trưởng theo chiều rộng, chất lượng tăng trưởng thấp. Tốc độ tăng trưởng GO ngày càng cao hơn VA, làm cho chi phí trung gian ngày càng lớn; chưa sát với mục tiêu Quy hoạch đặt ra là "phát triển công nghiệp nhằm tạo sự tăng trưởng kinh tế cao... đến năm 2030 trở thành tỉnh công nghiệp có trình độ phát triển trên mức trung bình của cả nước". Chưa sát với chủ trương tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh; mới tập trung thu hút đầu tư từ nguồn lực ngoài tỉnh, chưa có hướng khuyến khích chuyển đổi tái cơ cấu, phát triển doanh nghiệp trong tỉnh.

- Phân định hướng phát triển các sản phẩm chủ lực chưa phù hợp với định hướng trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được phê duyệt, đề nghị bổ sung sản phẩm chủ lực như cơ khí phục vụ sản xuất ô tô, xe máy tham gia cụm tương hỗ điện tử, cơ khí vùng Hà Nội; các sản phẩm nông, lâm sản, đồ gỗ, từng bước xây dựng cụm tương hỗ quả nhiệt đới tại thị trấn Chũ; phát triển công nghiệp chế biến gắn với phát triển ổn định vùng nguyên liệu.

- Danh mục các dự án đầu tư cần sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và xác định rõ giai đoạn thực hiện từ nay đến 2020 và giai đoạn 2021-2030 để tổ chức thực hiện.

2.4. Phần giải pháp và tổ chức thực hiện Quy hoạch

- Các giải pháp đưa ra còn chung chung sẽ khó triển khai thực hiện; cần đưa ra giải pháp thật cụ thể, bảo đảm tính khả thi. Như giải pháp 1 về vốn, cần cụ thể về cơ chế huy động nguồn lực để thực hiện. Giải pháp 4 về nguồn nhân lực, trên cơ sở đánh giá được hiện trạng và nhu cầu, để có giải pháp đào tạo nguồn nhân lực, gồm nhiều đối tượng và trình độ khác nhau để phục vụ phát triển công nghiệp. Giải pháp 6 về tổ chức và quản lý, cần cụ thể hóa việc tổ chức và giám sát thực hiện Quy hoạch.

- Bổ sung giải pháp về cơ chế, chính sách, cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh; nhất là cơ chế huy động nguồn vốn đầu tư.

- Về giải pháp đột phá, phải có tính xoay chuyển, giải quyết được thực trạng những yếu kém hiện nay. Đề nghị nghiên cứu sâu hơn giải pháp đột phá như giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, nâng cao năng lực quản lý, điều hành; đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh, mới là những giải pháp đột phá.

III. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Sở Công Thương trên cơ sở của Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch này, cần xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND theo Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 hướng dẫn tổ chức lập quy hoạch, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu (gồm các nội dung chính như quan điểm, mục tiêu, nội dung điều chỉnh quy hoạch, danh mục các dự án ưu tiên đầu tư, giải pháp và tổ chức thực hiện).

- Đề nghị Sở Công Thương nghiên cứu, tiếp thu những ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia, để quy hoạch được hoàn thiện, có tính khả thi cao, đạt được mục tiêu của Quy hoạch đặt ra./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy | (để
- TT UBND tỉnh | bc)
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Công Thương;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu TVPB, VT, CT.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

N.T. Thi

Nguyễn Văn Thi